

39

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2019

THỎA THUẬN KHUNG

Số: 92/TTK-TTMS-CPC1TW

**V/v cung cấp thuốc thuộc Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020
cho các tỉnh Miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia năm 2018 do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 5662/QĐ-BYT ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-TTMS ngày 27/09/2018 của Giám đốc Trung tâm MSTTTQG về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-TTMS ngày 17/10/2018 của Giám đốc Trung tâm MSTTTQG có về việc phê duyệt sửa đổi Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc; Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018; Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018; Gói thầu số 3: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên; Mã hiệu: ĐTTT.generic.03.2018; Gói thầu số 4: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.04.2018;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTMS ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt Danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-TTMS ngày 12 tháng 04 năm 2019 của Giám đốc Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-TTMS ngày 23 tháng 04 năm 2019 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao thỏa thuận khung số 39/TTMS-NVĐT ngày 24/04/2019 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia,

Hôm nay, ngày 25 tháng 04 năm 2019, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung:

- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (sau đây viết tắt là Trung tâm MSTTQG)
- Đại diện: Ông Nguyễn Trí Dũng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024 627 323 83

II. Nhà thầu cung cấp thuốc

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
- Mã số thuế: 0100108536
- Đại diện: Ông Nguyễn Doãn Liêm
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ công ty: 87 Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 0243 864 2106

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế tại các tỉnh miền Bắc theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh Miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018 như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là mặt hàng thuốc trúng thầu theo Quyết định của Trung tâm MSTTQG theo số lượng phân bổ cho các cơ sở y tế tại các tỉnh miền Bắc.

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế tại các tỉnh miền Bắc sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2020 quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.

- Thời gian giao hàng theo tiến độ với số lượng cụ thể được thể hiện trong hợp đồng mua sắm thuốc giữa các cơ sở y tế và nhà cung cấp. (*Danh sách các cơ sở y tế được đính kèm*).

- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm thuộc Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh Miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018.

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có

đầy đủ nội dung kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.
- Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa nhà thầu với các cơ sở y tế không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTQG phê duyệt về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh Miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018.
- Nếu trường hợp các thuốc trúng thầu được xem xét đàm phán giá, sau khi có kết quả đàm phán giá được công bố, việc thực hiện hợp đồng sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.
- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.
- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ mời thầu.

6. Trách nhiệm của nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa

- Tiến hành ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm MSTTQG để cung cấp các mặt hàng thuốc thuộc gói thầu.
- Ký hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế ngay sau khi ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm MSTTQG. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi về Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương tương ứng với các cơ sở y tế và Trung tâm MSTTQG mỗi nơi 1 bản hợp đồng đã ký.
- Đảm bảo số lượng thuốc tồn kho đủ cung cấp cho các cơ sở y tế theo tiến độ cung cấp cho quý tiếp theo trước ngày 15 của tháng cuối cùng quý trước đã công bố.

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTQG phê duyệt.
- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương VI và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII và nội dung của Bản cam kết được nêu trong Hồ sơ mời thầu (đính kèm các bản cam kết của nhà thầu);
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.
- Thực hiện chế độ báo cáo cho các Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương tương ứng với các cơ sở y tế và Trung tâm MSTTQG về tình hình bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm MSTTQG ban hành.
- Trong trường hợp các cơ sở y tế có nhu cầu mua thêm không quá 20% số lượng đã được phân bổ và ký kết hợp đồng, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở y tế sau khi 2 bên ký kết các văn bản pháp lý về việc mua bổ sung. Nhà thầu có trách nhiệm gửi hồ sơ, tài liệu này báo cáo cho Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương tương ứng và Trung tâm MSTTQG.
- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương, của các cơ sở y tế Trung ương có nhu cầu tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung vượt quá 20% thì nhà thầu có trách nhiệm báo cáo Đơn vị Mua thuốc tập trung cấp địa phương, Trung tâm MSTTQG để thực hiện việc điều tiết theo đúng quy định tại Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế và theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm MSTTQG ban hành.

7. Trách nhiệm của các cơ sở y tế

- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu đã được Giám đốc Trung tâm MSTTQG phê duyệt.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2020.
- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh, thanh lý hợp đồng theo quy định.
- Báo cáo cho Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng/y tế các bộ ngành để tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG; riêng đối với các cơ sở y tế cấp Trung ương báo cáo trực tiếp Trung tâm MSTTQG về:
 - + Số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện định kỳ hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.
 - + Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng để xem xét giải quyết.

Handwritten signature

- Các cơ sở y tế bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong thỏa thuận khung.
- Trong trường hợp cần thiết, các cơ sở y tế có thể mua tăng thêm nếu sử dụng hết số lượng thuốc đã được phân bổ trong thỏa thuận khung ở tất cả các nhóm, nhưng không được vượt quá 20% số lượng đã được phân bổ. Việc mua tăng thêm số lượng thuốc được thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 28, Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế.
- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương, của các cơ sở y tế của Trung ương vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì phải có đề xuất cụ thể số lượng cần mua thêm báo cáo về Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương tương ứng và Trung tâm MSTTQG để tổng hợp và điều tiết số lượng thuốc giữa các cơ sở y tế thuộc địa bàn địa phương cũng như toàn quốc theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm MSTTQG ban hành.

8. Trách nhiệm của các Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế y tế thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 32 của Thông tư số 11/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.
- Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng quý và đột xuất về Trung tâm MSTTQG về số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện của các cơ sở y tế địa phương cũng như cơ sở y tế ngành trên địa bàn.
- Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tại các cơ sở y tế địa phương/y tế các bộ ngành với Trung tâm MSTTQG để giải quyết.
- Phối hợp với Trung tâm MSTTQG trong việc điều tiết việc thực hiện kế hoạch của các cơ sở y tế để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 31, Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế.
- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương, của các cơ sở y tế ngành trên địa bàn vượt 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/y tế các bộ, ngành tổng hợp phải báo cáo Trung tâm MSTTQG để điều tiết số lượng thuốc giữa các địa phương, các cơ sở y tế của Trung ương trên toàn quốc phù hợp theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia do Trung tâm MSTTQG ban hành.

BỘ Y TẾ

TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC CUNG CẤP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ

GÓI THẦU SỐ 2: CUNG CẤP THUỐC GENERIC NĂM 2019-2020 CHO CÁC TỈNH MIỀN BẮC; MÃ HIỆU: ĐTTT.GENERIC.02.2018

(Kèm theo Thỏa thuận khung số *92/TTK-PTMS-CPC1TW* ký ngày 25 tháng 04 năm 2019)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
1	25	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 10 Lọ	209.000,00	47.460	9.919.140.000,00
2	26	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 10 Lọ	209.000,00	33.929	7.091.161.000,00
TỔNG CỘNG														2	17.010.301.000

Handwritten mark

PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT

Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh Miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018

(Ban hành kèm theo thỏa thuận khung số 92 /TTK-TTMS-CPC1TW ngày 25/4/2019)

Thành phố Hà Nội

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03A A02.01 .N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	600	125.400.000	Bệnh viện 198 (Bộ Công An)	01043	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
2	L03A A02.01 .N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	150	31.350.000	Bệnh viện Bưu điện (Bộ Bưu Chính)	01009	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
3	L03A A02.01 .N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	64	13.376.000	Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	01161	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
4	L03A A02.01 .N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	400	83.600.000	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	01934	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
5	L03A A02.01 .N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	400	83.600.000	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	01934	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
6	L03A A02.01 .N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	800	167.200.000	Bệnh viện E	01007	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
7	L03A A02.01 .N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	700	146.300.000	Bệnh viện E	01007	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
8	L03A A02.01 .N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	1.710	357.390.000	Bệnh viện Hữu Nghị	01001	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
9	L03A A02.01 .N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	13.200	2.758.800.000	Bệnh viện K	01906	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
10	L03A A02.01 .N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	1.400	292.600.000	Bệnh viện Nhi Trung ương	01915	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
11	L03A A02.01 .N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209.000	4.000	836.000.000	Bệnh viện Nhi Trung ương	01915	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

BỘ Y TẾ

TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Thành phố Hà Nội

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
12	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	500	104,500,000	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	01914	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
13	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	330	68,970,000	Bệnh viện Phổi Trung ương	01910	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
14	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	1,200	250,800,000	Bệnh viện Phụ sản TW	01905	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
15	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	2,800	585,200,000	Bệnh viện Quân Y 103	01016	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
16	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	2,800	585,200,000	Bệnh viện Quân Y 103	01016	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
17	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	200	41,800,000	Bệnh viện Quân Y 105	01819	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
18	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	100	20,900,000	Bệnh viện Tai Mũi Họng TW	01909	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
19	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	1,600	334,400,000	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	01014	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
20	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	4,000	836,000,000	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	01014	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
21	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	5,000	1,045,000,000	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	01916	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
22	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	2,000	418,000,000	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	01916	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
23	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	14,800	3,093,200,000	Viện Huyết học và Truyền máu TW	01920	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
24	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	12,900	2,696,100,000	Viện Huyết học và Truyền máu TW	01920	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
TỔNG CỘNG																	14,975,686,000	

Đạt

BỘ Y TẾ

TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Thành phố Hải Phòng

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	50	10,450,000	Bệnh viện Đại học y Hải Phòng	31168	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
2	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	1,400	292,600,000	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	31153	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
3	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	2,400	501,600,000	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	31153	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
4	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	880	183,920,000	Bệnh viện Kiến An	31031	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
TỔNG CỘNG																		988,570,000

Tỉnh Bắc Kạn

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	64	13,376,000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	06001	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
TỔNG CỘNG																		13,376,000

Tỉnh Hà Nam

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	50	10,450,000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Nam	35001	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
2	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	200	41,800,000	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Nam	35001	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
TỔNG CỘNG																		52,250,000

Tỉnh Hải Dương

BỘ Y TẾ

TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Tỉnh Hải Dương

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	496	103,664,000	BV ĐK tỉnh Hải Dương	30013	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
TỔNG CỘNG																		103,664,000

Tỉnh Hưng Yên

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	150	31,350,000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	33011	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
TỔNG CỘNG																		31,350,000

Tỉnh Ninh Bình

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	450	94,050,000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	37101	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
2	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	60	12,540,000	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Ninh Bình	37074	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
TỔNG CỘNG																		106,590,000

Tỉnh Phú Thọ

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	1,500	313,500,000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	25001	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
TỔNG CỘNG																		313,500,000

Tỉnh Thái Bình

Handwritten signature/initials

BỘ Y TẾ

TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Tỉnh Thái Bình

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	400	83,600,000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	34001	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCT
TỔNG CỘNG																		83,600,000

Tỉnh Thái Nguyên

STT	Mã số	Hoạt chất	Hàm lượng	Phân nhóm	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thành tiền	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Công ty trúng thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	35	7,315,000	Bệnh viện C	19013	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCT
2	L03AA0 2.01.N2	Filgrastim	30MU	Nhóm 2	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	800	167,200,000	Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên	19010	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCT
3	L03AA0 2.01.N5	Filgrastim	30MU	Nhóm 5	Leucostim	QLSP-899-15 (Hết hạn 3/11/2020)	Thuốc tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Dong-A ST Co., Ltd	Hàn Quốc	209,000	800	167,200,000	Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên	19010	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCT
TỔNG CỘNG																		341,715,000